

Số: 463/GKSK-BVĐKHĐ

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dành cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): ...NGUYỄN...THỊ...KHUÊ...
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh ngày...1...tháng...11...năm 1983 (Tuổi:...42.....)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001183029660
5. Cấp ngày 19/1/2021. Tại...Lục...Cánh...Đất.....
6. Chỗ ở hiện tại: Đức...Quang...Khu...Đức...Khu...Nô...
7. Lý do khám sức khỏe: Hoàn thiện hồ sơ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình: Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên:.....

Hàm dưới:.....

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):

Phân loại

CS: Ngô Danh Khương

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 CKI. NGUYỄN HỮU TRÍ
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	 CKI. NGUYỄN HỮU TRÍ
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng) Hình ảnh Tim, phổi bình thường	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):

.....
.....
.....

..... ngày 19 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



KHO GIÁM ĐỐC

* Nguyễn Thị Thu